

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản 1.2	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/07/08	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11182843-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06 Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
------------------	--	---	---

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : VC-20

SDS-Identcode : 130000001241

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công Ty TNHH Chemours Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà Friendship, số 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé,
Quận 1, Tp.
Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Điện thoại : (84 8) 6288 3964

Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : 1800-577-721

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Các phương tiện chế biến
Chất lưu hóa

Hạn chế khi sử dụng : Chỉ dùng trong công nghiệp
Không được sử dụng hoặc bán lại các nguyên vật liệu của
Chemours™ cho các ứng dụng y tế liên quan đến việc cấy
ghép trong cơ thể con người hay truyền chất dịch hoặc mô vào
cơ thể nếu không có sự đồng ý của người bán thông qua một
bản thỏa thuận chính thức. Để biết thêm thông tin chi tiết, xin
vui lòng liên hệ văn phòng đại diện của Chemours.

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 3

Độc cấp tính (Hít phải) : Cấp 2

Tổn thương mắt nghiêm
trọng/kích ứng mắt : Cấp 1

Độc tính đến cơ quan cụ thể
sau phơi nhiễm đơn : Cấp 3

Độc tính đến cơ quan cụ thể
sau phơi nhiễm lặp lại : Cấp 1 (Phổi, khoang mũi)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06
1.2	2024/07/08	11182843-00003	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H301 Ngộ độc nếu nuốt phải.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H330 Chết nếu hít phải.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H372 Gây tổn thương cho các cơ quan (Phổi, khoang mũi) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P260 Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo các thiết bị bảo vệ mặt/ mắt.
P284 Mang thiết bị bảo vệ hô hấp.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P310 + P330 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ. Súc miệng.
P304 + P340 + P310 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thở thoải mái để thở. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn.
P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp trùng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.
P314 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Lưu trữ:

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản 1.2 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/07/08 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11182843-00003 Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06 Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Benzyltriphenylphosphoni clorua	1100-88-5	≥ 30 -< 40
Đá vôi	1317-65-3	$\geq 1,5$ -< 3

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Trong trường hợp tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám ngay lập tức.
Khi triệu chứng kéo dài hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ hãy tìm đến tư vấn y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành.
Nếu nạn nhân ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo.
Nếu nạn nhân khó thở, cung cấp oxy
Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Trong trường hợp bị chạm phải, ngay lập tức rửa sạch da bằng xà phòng và thật nhiều nước.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Trong trường hợp bị bắn phải, ngay lập tức rửa sạch mắt bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút.
Gỡ bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và để làm
Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, không được gây nôn trừ phi đó là chỉ định của nhân viên y tế.
Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
Xúc miệng kỹ bằng nước
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Ngộ độc nếu nuốt phải.
Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Chết nếu hít phải.
Có thể gây kích ứng hô hấp.
Gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản 1.2	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/07/08	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11182843-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06 Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
------------------	--	---	---

Bảo vệ người sơ cứu : Các bộ phát đáp Sơ cứu nên chú ý đến tự bảo vệ và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được đề nghị khi khả năng tiếp xúc tồn tại (xem phần 8).

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bụi nước
Bọt chịu cồn.
Carbon đioxit (CO₂)
Hóa chất khô

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Được biết là chưa xảy ra.

Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với sức khỏe.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Carbon ôxit
Các hợp chất flo
Ôxit photpho
Hợp chất clo
Oxit kim loại

Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mờ.
Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm.
Sơ tán toàn bộ khu vực.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Di tản mọi người tới các khu vực an toàn.
Chỉ những người được đào tạo mới được trở lại khu vực này.
Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).

Các cảnh báo về môi trường : Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.
Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản 1.2	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/07/08	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11182843-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06 Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
------------------	--	---	---

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Khoanh vùng bãi tràn đổ bằng chất hấp thu và đặt một tấm phủ lên trên khu vực để giảm tối thiểu tình trạng vật liệu bốc hơi vào không khí.
Pha thêm nhiều chất lỏng để hòa tan vật liệu thành dung dịch.
Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ.
Dọn sạch các chất còn đọng lại do tràn đổ bằng chất thấm hút thích hợp.
Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải được áp dụng.
Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Các biện pháp kỹ thuật : Xem Các biện pháp kỹ thuật dưới phần KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN.

Thông gió cục bộ/toàn bộ : Nếu không có hệ thống thông khí hiệu quả, hãy sử dụng cùng với hệ thống thông khí thải tại chỗ.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Không hít bụi, khói, sương, hơi, khói hay tia xịt.
Không được nuốt.
Không để chạm vào mắt.
Tránh tiếp xúc kéo dài và nhiều lần với da.
Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh công cộng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc.
Đóng chặt thùng chứa.
Những người dễ mẫn cảm và những người dễ bị hen suyễn, mắc chứng dị ứng, bệnh hô hấp mãn tính hoặc tái phát, nên tham khảo ý kiến bác sĩ của họ về việc làm việc với các chất gây kích ứng hoặc mẫn cảm đường hô hấp.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng.
Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.
Đóng kín.
Để tại nơi mát mẻ và thông gió tốt.
Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.

Các chất cần tránh bảo quản chung : Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây:
Chất nổ

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06
1.2	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
	2024/07/08	11182843-00003	

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Đá vôi	1317-65-3	TWA	10 mg/m ³ (Canxi cacbonat)	VN OEL

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Giảm thiểu mức độ phơi nhiễm tại nơi làm việc.
Nếu không có hệ thống thông khí hiệu quả, hãy sử dụng cùng với hệ thống thông khí thải tại chỗ.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Nếu không có hệ thống thông khí thải tại chỗ phù hợp hay đánh giá phơi nhiễm cho thấy mức phơi nhiễm vượt ngưỡng được đề xuất, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.

Bộ lọc loại : Loại hạt

Bảo vệ tay
Vật liệu : Cao su nitrile
Độ dày của găng : 0,38 mm
Thời gian đeo : 480 min

Ghi chú : Việc chọn găng tay bảo vệ khỏi hoá chất phụ thuộc vào nồng độ và số lượng các chất nguy hại và phụ thuộc vào nơi làm việc. Đối với các ứng dụng đặc biệt, chúng tôi khuyến cáo nên liên lạc với nhà sản xuất nhằm xác minh tính chống chịu với hoá chất của các loại găng tay kể trên. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. Thời gian để sản phẩm thấm xuyên qua găng tay chưa xác định được. Thường xuyên thay găng tay.

Bảo vệ mắt : Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau:
Phải đeo găng tay chịu hóa chất
Nếu có khả năng xảy ra bắn tóe, đeo:
Mạng che mặt

Bảo vệ da và cơ thể : Chọn quần áo bảo hộ thích hợp dựa vào dữ liệu về khả năng chịu được hóa chất và đánh giá nguy cơ phơi nhiễm nội bộ.
Cần tránh tiếp xúc với da bằng việc sử dụng quần áo bảo hộ không thấm (găng tay, ủng, tạp rề ,vv...)

Các biện pháp vệ sinh : Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản 1.2	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/07/08	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11182843-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06 Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
------------------	--	---	---

Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: viên nhỏ
Màu sắc	: màu trắng, mờ đục
Mùi đặc trưng	: yếu
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 5,5
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	: chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	: chưa có dữ liệu
Điểm cháy	: Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	: Không áp dụng được
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	: chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: Không áp dụng được
Tỷ trọng hơi tương đối	: Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	: 1,5
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	: ít hòa tan
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: Không áp dụng được
Nhiệt độ tự bốc cháy	: chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản 1.2	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/07/08	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11182843-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06 Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
------------------	--	---	---

Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động học	:	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Đặc điểm hạt	:	
Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không thuộc loại nguy hại phản ứng.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Được biết là chưa xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	:	Được biết là chưa xảy ra.
Vật liệu không tương thích	:	Không có gì.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc	:	Tiếp xúc với da Ăn uống Tiếp xúc với mắt
----------------	---	--

Độc cấp tính

Ngộ độc nếu nuốt phải.
Chết nếu hít phải.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	Ước lượng độc tính cấp: 131,06 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán
Độc tính cấp do hít phải	:	Ước lượng độc tính cấp: 0,1524 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Phương pháp: Phương pháp tính toán

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06
1.2	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
	2024/07/08	11182843-00003	

Thành phần:

Benzyltriphenylphosphoni clorua:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, con đực): 43 mg/kg

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, con đực): > 0,08 - 0,2 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương

Đá vôi:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 420
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 3 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Benzyltriphenylphosphoni clorua:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng da

Đá vôi:

Loài : Thỏ
Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404
Kết quả : Không gây kích ứng da
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

VC-20

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06
1.2	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
	2024/07/08	11182843-00003	

Thành phần:**Benzyltriphenylphosphoni clorua:**

Loài	:	Thỏ
Kết quả	:	Những ảnh hưởng không thể phục hồi lên mắt
Kết quả	:	Độc khi tiếp xúc với mắt.

Đá vôi:

Loài	:	Thỏ
Kết quả	:	Không gây kích ứng mắt
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405
Ghi chú	:	Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Kích thích hô hấp hoặc da**Nhạy cảm với da**

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**Benzyltriphenylphosphoni clorua:**

Loại kiểm nghiệm	:	Thử nghiệm cực đại
Đường tiếp xúc	:	Tiếp xúc với da
Loài	:	Chuột lang
Kết quả	:	Âm tính

Đá vôi:

Loại kiểm nghiệm	:	Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Đường tiếp xúc	:	Tiếp xúc với da
Loài	:	Chuột nhắt
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả	:	Âm tính
Ghi chú	:	Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**Benzyltriphenylphosphoni clorua:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm	:	Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471 Kết quả: Âm tính
--	---	--

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản 1.2	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/07/08	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11182843-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06 Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
------------------	--	---	---

Đá vôi:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Đá vôi:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

STOT - Tiếp xúc một lần

Có thể gây kích ứng hô hấp.

Thành phần:

Benzyltriphenylphosphoni clorua:

Đánh giá : Có thể gây kích ứng hô hấp.

VC-20

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06
1.2	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
	2024/07/08	11182843-00003	

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Gây tổn thương cho các cơ quan (Phổi, khoang mũi) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Thành phần:**Benzyltriphenylphosphoni clorua:**

Đường tiếp xúc	:	Hít phải
Các cơ quan đích	:	Phổi, khoang mũi
Đánh giá	:	Có bằng chứng cho thấy gây ra những ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe động vật tại nồng độ 0.02 mg/l/6h/d hoặc ít hơn.

Lượng độc lặp lại**Thành phần:****Benzyltriphenylphosphoni clorua:**

Loài	:	Chuột, con đực
NOAEL	:	0,0051 mg/l
LOAEL	:	0,015 mg/l
Lộ trình ứng dụng	:	Hô hấp (bụi/ khói/ sương)
Thời gian phơi nhiễm	:	2 Weeks

Đá vôi:

Loài	:	Chuột
NOAEL	:	> 300 mg/kg
Lộ trình ứng dụng	:	Nuốt phải
Thời gian phơi nhiễm	:	28 Days
Phương pháp	:	Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
Ghi chú	:	Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Thành phần:****Benzyltriphenylphosphoni clorua:**

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 1 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	:	ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 0,59 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản 1.2	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/07/08	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11182843-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06 Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
------------------	--	---	---

EC10 (*Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo lục)): 0,25 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 1
đối với môi trường thủy sinh)

Nhân tố M (Nguy hại mãn : 1
tính đối với môi trường thủy
sinh)

Đá vôi:

Độc đối với cá : LL50 (*Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Chất thử: Thử nghiệm Mẫu Hòa tan trong Nước của Chất đa
thành phần (WAF)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối các loài giáp xác : LL50 (*Daphnia magna* (Bọ nước)): > 100 mg/l
và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 48 h
xương sống thủy sinh khác : Chất thử: Thử nghiệm Mẫu Hòa tan trong Nước của Chất đa
thành phần (WAF)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối với tảo/thực vật : EL50 (*Desmodesmus subspicatus* (tảo lục)): > 14 mg/l
dưới nước : Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Chất thử: Thử nghiệm Mẫu Hòa tan trong Nước của Chất đa
thành phần (WAF)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
Ghi chú: Không có độc tính ở giới hạn hòa tan
Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

EL10 (*Desmodesmus subspicatus* (tảo lục)): > 14 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Chất thử: Thử nghiệm Mẫu Hòa tan trong Nước của Chất đa
thành phần (WAF)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
Ghi chú: Không có độc tính ở giới hạn hòa tan
Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối với các vi sinh : EC50: > 100 mg/l
vật : Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

VC-20

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06
1.2	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
	2024/07/08	11182843-00003	

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**Thành phần:****Benzyltriphenylphosphoni clorua:**

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân huỷ sinh học.
Phân hủy sinh học: 1 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301D

Khả năng tích lũy sinh học**Thành phần:****Benzyltriphenylphosphoni clorua:**

Hệ số phân tán: n- : log Pow: -0,7
octanol/nước : Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**Các biện pháp thải bỏ**

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Loại bỏ theo quy định của địa phương

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Số hiệu UN : UN 3464
Tên vận chuyển thích hợp : ORGANOPHOSPHORUS COMPOUND, SOLID, TOXIC, N.O.S.
(Benzyltriphenylphosphonium chloride)
Hạng : 6.1
Nhóm hàng : III
Nhãn : 6.1
Nguy hại với môi trường : không

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06
1.2	2024/07/08	11182843-00003	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21

IATA-DGR

Số UN/ID	: UN 3464
Tên vận chuyển thích hợp	: Organophosphorus compound, solid, toxic, n.o.s. (Benzyltriphenylphosphonium chloride)
Hạng	: 6.1
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: Toxic
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: 677
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: 670

Mã IMDG

Số hiệu UN	: UN 3464
Tên vận chuyển thích hợp	: ORGANOPHOSPHORUS COMPOUND, SOLID, TOXIC, N.O.S. (Benzyltriphenylphosphonium chloride)
Hạng	: 6.1
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: 6.1
Mã EmS	: F-A, S-A
Chất ô nhiễm đại dương	: có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất : 2024/07/08

Các thông tin khác : Chemours™ và logo của Chemours là thương hiệu đã được đăng ký của công ty The Chemours Company. Vui đọc thông tin an toàn của Chemours trước khi sử dụng. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ văn phòng Chemours tại địa phương hoặc nhà phân phối do Chemours chỉ định.

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06
1.2	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
	2024/07/08	11182843-00003	

lập Phiếu Dữ liệu An toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu, <http://echa.europa.eu/>

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

VN OEL : Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc

VN OEL / TWA : Trung bình về thời gian

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



VC-20

Phiên bản 1.2	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/07/08	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11182843-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/12/06 Ngày ban hành đầu tiên: 2023/03/21
------------------	--	---	---

gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI